

SỬU TÂM

Vietnam IBC



MỘT SỐ THAY ĐỔI CỦA INCOTERMS 2010 SO VỚI INCOTERMS 2000

[Phòng Thương mại Quốc tế (ICC) thỉnh thoảng lại rà soát bộ INCOTERMS để đảm bảo rằng những qui tắc trong đó phản ánh và đáp ứng được những thông lệ và xu hướng thương mại hiện hành. INCOTERMS® 2010 là lần sửa đổi thứ tám đối với INCOTERMS kể từ khi bộ qui tắc này ra đời vào năm 1936..]

CÁC VẤN ĐỀ CHUNG

INCOTERMS là gì?

Là một loạt các điều khoản thương mại được quốc tế công nhận được Phòng Thương mại Quốc tế xuất bản, và được sử dụng rộng rãi trong các hợp đồng mua bán quốc tế. Những điều khoản này cũng được sử dụng ngày càng nhiều trong thương mại nội địa.

Tại sao bộ INCOTERMS® 2010 lại được gọi là “các qui tắc”?

Là để thừa nhận bản chất hợp đồng của những điều khoản đó, và cũng là để phù hợp với chính sách chung của ICC – gọi các ấn phẩm của mình là “các qui tắc”(UCP 600, URDG 758, v.v.).

Bộ INCOTERMS bao gồm những nội dung gì?

Bộ qui tắc này qui định ai có những trách nhiệm gì, ai thanh toán khoản gì, khi nào thì rủi ro đối với hàng hóa được chuyển từ người bán sang người mua, khi nào thì giao hàng, cũng như những vấn đề như bảo hiểm, làm thủ tục thông quan xuất nhập khẩu, và việc phân bổ các chi phí liên quan đến việc giao hàng.

Bộ qui tắc INCOTERMS không bao gồm nội dung gì?

Không có qui định về quyền sở hữu đối với hàng hóa, không qui định chi tiết về các nghĩa vụ thanh toán (thời hạn, phương thức, điều khoản đảm bảo thanh toán, chứng từ thanh toán), không qui định chi tiết về yêu cầu liên quan đến tàu, các trường hợp bất khả kháng, kết thúc hợp đồng, mất khả năng thanh toán. Nói tóm lại, INCOTERMS không cấu thành một hợp đồng mua bán đầy đủ mà chỉ là các qui tắc tiện lợi, được quốc tế công nhận về việc mua bán hàng hóa. Những qui tắc này phát huy tác dụng tốt như một hợp đồng sơ lược cần phải được cụ thể hóa và điều chỉnh với những điều khoản và điều kiện thêm nữa.

Các qui tắc này được sử dụng như thế nào?

Chúng được đưa vào trong hợp đồng mua bán bằng cách dẫn chiếu (VD: "FCA 38 Cours Albert 1er, Paris, France Incoterms® 2010").

1 “Incoterms” là một nhãn hiệu được đăng ký bản quyền của

Tại sao các qui tắc này lại được sửa đổi?

Để phản ánh sự mở rộng của các khu vực mậu dịch tự do, việc sử dụng các phương tiện giao tiếp điện tử, các quan ngại về an ninh sau sự kiện 11 tháng 9, và những biến đổi gần đây trong vận tải và thương mại quốc tế kể từ lần sửa đổi năm 2000.

Khi nào thì bộ qui tắc này được sửa đổi?

Các qui tắc mới sẽ bắt đầu có hiệu lực từ ngày 1/1/2011.

Thế còn những hợp đồng đã kí kết trước ngày 1/1/2011 thì sao?

Đối với những hợp đồng đã kí kết, bộ qui tắc INCOTERMS 2000 vẫn tiếp tục được áp dụng (nếu được đưa vào trong hợp đồng) ngay cả khi việc thực hiện hợp đồng diễn ra vào năm 2011 hoặc thậm chí sau đó.

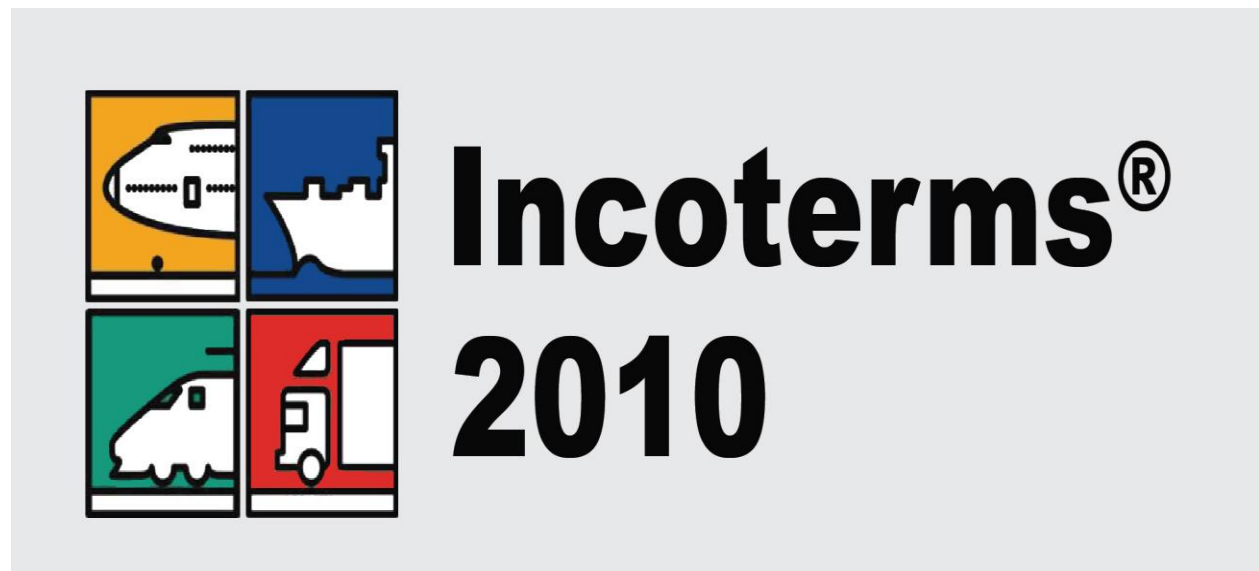
Sau ngày 1/1/2011, các hợp đồng mới được kí kết, nếu có dẫn chiếu đến "INCOTERMS", thì có thể được hiểu là INCOTERMS 2010, nhưng việc áp dụng phiên bản 2000 hay 2010 còn phụ thuộc vào các hoàn cảnh của hợp đồng mua bán. Bất kì sự không chắc chắn và tranh chấp có thể xảy ra nào đều phải được loại trừ bằng cách đưa các điều khoản INCOTERMS 2010 một cách rõ ràng vào trong hợp đồng mua bán!

Có thể vẫn sử dụng INCOTERMS 2000 sau ngày 1/1/2011 không?

Chắc chắn là có. Incoterms (dù là phiên bản 2010 hay 2000) đều chỉ là các qui tắc áp dụng trong hợp đồng, cho nên tùy thuộc vào các bên tham gia hợp đồng (người bán và người mua) sẽ quyết định sử dụng chúng như thế nào và đưa chúng một cách rõ ràng vào trong hợp đồng mua bán. Hai bên có thể chọn áp dụng bất kì phiên bản nào họ muốn!

Tuy nhiên khuyến nghị là các bên nên bắt đầu sử dụng bộ qui tắc mới Incoterms 2010 càng sớm càng tốt, vì những qui tắc này phản ánh các qui tắc hiện đại, cập nhật, phản ánh những tiến bộ mới nhất trong thương mại quốc tế. Những lần sửa đổi trước đã lỗi thời và thiếu sự chính xác so với bộ qui tắc mới Incoterms 2010!

Tại sao tôi lại phải quan tâm đến INCOTERMS 2010?



Bạn sẽ cần phải:

- Kiểm tra các mẫu hợp đồng chuẩn của mình;
- Cân nhắc đến những thay đổi trong phiên bản INCOTERMS 2010;
- Thực hiện những thay đổi tương ứng (ví dụ như đổi điều khoản DES hay DDU trong INCOTERMS 2000 thành DAP INCOTERMS 2010) trong các mẫu hợp đồng chuẩn của bạn đối với các hợp đồng mới; và công bố những thay đổi này cho đối tác biết, cũng như cho những nhân viên kinh doanh và nhân viên thực hiện hợp đồng của bạn biết;
- Bắt đầu sử dụng INCOTERMS 2010 như chuẩn mực trong các hợp đồng mua bán mới của bạn.

Bộ qui tắc INCOTERMS® 2010 có những thay đổi nào mà bạn cần lưu ý?

- 1, Bỏ 4 điều khoản (DAF, DES, DEQ và DDU) và đưa vào 2 điều khoản mới (DAP - Delivered at Place và DAT - Delivered at Terminal).
- 2, Chính thức tạo ra hai loại INCOTERMS - (1) các qui tắc áp dụng cho bất cứ phương thức vận tải nào, và (2) các qui tắc áp dụng cho vận tải đường biển và đường thủy nội địa (INCOTERMS 2000 có 4 loại).
- 3, Chính thức thừa nhận rằng những qui tắc này có thể sử dụng cả trong thương mại quốc tế và thương mại nội địa (nếu phù hợp). Điều khoản EXW được nói rõ là chỉ phù hợp cho thương mại nội địa.
- 4, Nêu rõ tham chiếu đến việc sử dụng "các phương tiện ghi chép điện tử có giá trị tương đương", nếu như các bên đồng ý như vậy, hoặc đó là tập quán thương mại.
- 5, Sửa đổi điều khoản bảo hiểm để phản ánh những thay đổi đối với Các điều khoản bảo hiểm chuẩn (Institute Cargo Clauses (theo những thay đổi gần đây đối với các điều khoản bảo hiểm LMA/IUA2 vào năm 2009)).
- 6, Phân bổ các nghĩa vụ tương ứng của các bên trong việc cung cấp hoặc hỗ trợ để lấy được các chứng từ và thông tin cần thiết nhằm thông quan liên quan đến an ninh.
- 7, Trách nhiệm đối với các khoản phí xếp hàng tại ga/trạm được phân bổ rõ ràng.
- 8, Bao gồm nghĩa vụ "mua" hàng hóa để phản ánh những thông lệ hiện nay trong mua bán hàng theo dây chuyền (mua bán hàng đã được xếp lên tàu – có nghĩa là hàng đã ở trên boong tàu)

CÁC VẤN ĐỀ CHI TIẾT

1. Bỏ 4 điều khoản trong INCOTERMS 2000

Xu hướng container hóa và giao hàng từ điểm này đến điểm khác ngày càng nhiều dường như đã khiến cho ICC phải có những sửa đổi quan trọng và đưa ra hai điều khoản mới về “đã giao hàng”:

-Delivered At Place (DAP) được sử dụng thay cho DAF, DES và DDU; và

-Delivered At Terminal (DAT) thay thế cho DEQ.

Những điều khoản này có thể được sử dụng với bất kỳ phương thức vận tải nào. Một lý do có ít điều khoản hơn đơn giản là các bên thường chọn “nhầm” điều khoản hoặc lẫn lộn các điều khoản, dẫn đến các hợp đồng có nội dung mâu thuẫn hoặc không rõ ràng.

Chú thích: Hiệp hội thị trường bảo hiểm Lloyd's (Lloyd's Market Association LMA) và Hiệp hội các nhà bảo hiểm quốc tế của London IUA.

Điều khoản DAF của Incoterm 2000 không còn đáp ứng nhu cầu thương mại và thực tế còn gây ra vấn đề khi người mua không thể kiểm tra hàng hóa trước khi hàng đến điểm đích, mà thường điểm đích lại nằm xa hơn điểm giao hàng (tức là biên giới).

Đối với cả hai điều khoản mới – (DAP) và Delivery at Terminal (DAT) – việc giao hàng diễn ra tại điểm đích đã xác định.

Qui tắc mới DAP trong Incoterm 2010 (Delivery at Place) bao gồm tất cả các trường hợp người bán giao hàng cho người mua trên phương tiện vận tải đến mà chưa dỡ hàng xuống, là những trường hợp trước đó được qui định bởi các điều khoản DAF, DES cũng như tất cả các trường hợp giao hàng tại cơ sở của người mua hay điểm đích nào khác tại nước của người mua mà trước đó được qui định bởi điều khoản DDU.

Đối với điều khoản DAP, “phương tiện vận tải đến” cũng có thể là một con tàu, và “điểm đích xác định” có thể là cảng dỡ.

Với qui tắc mới DAT của Incoterm 2010 (Delivered at Terminal), việc giao hàng diễn ra khi hàng hóa được giao vào quyền định đoạt của người mua tại ga/trạm xác định tại cảng hoặc tại điểm đích chưa được dỡ xuống khỏi phương tiện vận tải đến. Điều khoản DAT của Incoterm 2010 thay thế cho điều khoản DEQ trước đó của Incoterms 2000 (Delivered Ex Quay) vốn chỉ phù hợp cho hàng nguyên liệu.

Incoterms 2000 không có giải pháp thỏa đáng cho các điều khoản “D” đối với trường hợp hàng hóa được giao mà chưa dỡ xuống khỏi phương tiện vận tải đến tại trạm/ga. Điều khoản mới DAT của Incoterm 2010 (Delivered at Terminal) đã giải quyết được vấn đề này và bao gồm tất cả các trường hợp trước đó được qui định bởi điều khoản DEQ. “Trạm xác định” trong điều khoản DAT có thể là cầu cảng tại cảng dỡ hoặc trạm container tại cảng dỡ.

2. Đưa ra hai loại điều khoản thay vì bốn loại như trước kia

11 điều khoản được chia thành hai loại:

- giao hàng bằng bất kỳ phương thức vận tải nào (vận tải biển, đường bộ, hàng không, đường sắt, đa phương thức) - EXW, FCA, CPT, CIP, DAP, DAT và DDP; và

- giao hàng bằng vận tải đường biển/đường thủy nội địa - FAS, FOB, CFR và CIF.

3. Các qui tắc được điều chỉnh

Bộ qui tắc INCOTERMS mới được nêu rõ là có thể sử dụng “cả cho thương mại quốc tế và thương mại nội địa”. Điều này là nhờ những câu trong các qui tắc rằng nghĩa vụ thực hiện các thủ tục hải quan xuất nhập khẩu chỉ tồn tại trong trường hợp có liên quan đến xuất nhập khẩu.

Chú thích: đối với các khối thương mại (như EU) khi các thủ tục “biên giới” không còn, và ở Hoa Kỳ khi ngày càng nhiều người muốn sử dụng INCOTERMS hơn là các điều khoản giao hàng trong Uniform Commercial Code, các điều khoản mới giờ đây trở nên dễ áp dụng hơn.

4. Các ghi chép điện tử

Các nghĩa vụ của người bán và người mua trong việc cung cấp các chứng từ hợp đồng giờ đây có thể được thực hiện bằng "bản điện tử nếu các bên đồng ý hoặc đó là tập quán”, phản ánh sự thừa nhận của ICC về tầm quan trọng ngày càng tăng và tính chắc chắn về hợp đồng (nhờ tốc độ chuyển thông tin nhanh chóng) mà giao tiếp bằng điện tử mang lại. Điều này cũng đảm bảo sự phù hợp của INCOTERMS 2010 trong tương lai khi các giao tiếp/thủ tục điện tử ngày càng phát triển.

INCOTERMS 2000 yêu cầu người bán và người mua phải thống nhất rõ ràng là sẽ giao tiếp với nhau bằng đường điện tử để trao đổi dữ liệu điện tử tương đương và chấp nhận chúng như bằng chứng về chứng từ giao hàng/vận tải.

5. Các điều khoản bảo hiểm hàng hóa chuẩn

Khi một điều khoản trong INCOTERM yêu cầu người bán phải mua bảo hiểm, thì các yêu cầu bảo hiểm đều đã được sửa đổi để phản ánh những sửa đổi trong các điều khoản bảo hiểm hàng hóa chuẩn. Nghĩa vụ của các bên về bảo hiểm cũng đã được làm rõ: chỉ theo CIF và CIP thì người bán mới có nghĩa vụ mua bảo hiểm vì quyền lợi của người mua, tuy nhiên trong tất cả các điều khoản giao hàng, các bên đều có nghĩa vụ cung cấp cho bên kia, nếu có yêu cầu, những thông tin cần thiết để mua bảo hiểm hay mua thêm bảo hiểm cho hàng hóa (hoặc tự mua hoặc nhờ bên kia mua hộ vì lợi ích của mình). Các qui tắc Incoterms 2010 qui định về nghĩa vụ cung cấp thông tin trong các Điều A3/B3, là những điều nói về kí kết hợp đồng vận tải và bảo hiểm. Những điều này giờ đây đã được tách khỏi những điều qui định chung trong phần A10/B10 của các qui tắc Incoterms 2000. Ngôn ngữ trong các điều A3/B3 liên quan đến bảo hiểm cũng đã được sửa đổi để làm rõ nghĩa vụ của các bên về vấn đề này.

6. An ninh

Vấn đề an ninh hàng hóa/tàu biển, v.v giờ đây là mối quan tâm hàng đầu của mọi người khi nói đến thương mại quốc tế. Vì ngày nay hầu hết các nước đều yêu cầu kiểm tra an ninh nghiêm ngặt nên các qui tắc thương mại quốc tế cũng yêu cầu cả hai bên đều phải cung cấp tất cả những thông tin cần thiết

(V như thông tin về những người cầm giữ hàng hóa trong quá trình vận chuyển) để làm thủ tục thông quan xuất nhập khẩu. Các qui tắc cũng phân bổ rõ ràng các chi phí có liên quan.

Trong các qui tắc A2/B2 và A10/B10 của mỗi điều khoản Incoterm, nghĩa vụ của người bán và người mua về thông tin cần cung cấp cho bên kia hay sự hỗ trợ để lấy được thông tin đó cũng được nêu rõ. Các phiên bản INCOTERMS trước đây không yêu cầu chi tiết về mức độ hợp tác như vậy.

7. Các khoản phí bốc xếp tại ga/trạm

Trong trường hợp người bán phải thuê và thanh toán cho việc vận chuyển hàng hóa đến một điểm đích nhất định (CIP, CPT, CFR, CIF, DAT, DAP và DDP), có thể các chi phí bốc xếp hàng hóa đã được chuyển sang cho người mua thông qua giá cả của hàng hóa. Tuy nhiên, từ trước đến nay, trong một số trường hợp, người mua vẫn có thể phải thanh toán khoản này cho nhà ga (tức là chịu phí hai lần).

INCOTERMS® 2010 đã cố gắng khắc phục tình trạng này bằng cách làm rõ ai sẽ chịu trách nhiệm thanh toán các chi phí ở ga/trạm. Tuy nhiên, vẫn phải chờ thêm một thời gian nữa để xem liệu qui định của Incoterms có chấm dứt được tình trạng người mua phải chịu phí hai lần như trước nữa hay không.

8. Bán hàng dây chuyền

Trong các hợp đồng mua bán “hàng nguyên liệu” (khác với hàng chế tạo), thường có trường hợp hàng hóa được bán tiếp một vài lần trong quá trình vận chuyển (tức là bán dây chuyền, hay bán hàng trong quá trình vận chuyển).

Trong những trường hợp như vậy, người bán ở giữa dây chuyền không phải là người gửi hàng đi, bởi vì hàng đã được gửi đi bởi người bán ở đầu dây chuyền. Do đó, nghĩa vụ của người bán ở giữa dây chuyền là mua hàng hóa mà đã được gửi đi. Bộ INCOTERMS mới làm rõ điều này bằng cách cho thêm cụm từ “nghĩa vụ mua hàng hóa đã được gửi đi” như một nghĩa vụ thay thế cho nghĩa vụ gửi hàng. Điều này phù hợp với các trường hợp FAS, FOB, CFR và CIF vì về nguyên tắc nó chỉ có thể được thực hiện khi sử dụng vận đơn hay một chứng từ sở hữu có tính chất tương đương.

9. Lưu ý hướng dẫn

Trong ấn phẩm Incoterms® 2010, bạn sẽ thấy có một phần Lưu ý hướng dẫn trước mỗi điều khoản. Phần lưu ý này giải thích những nội dung căn bản của mỗi điều khoản. Các lưu ý hướng dẫn không phải là một phần của các qui tắc trong Incoterms 2010, mà chỉ nhằm mục đích giúp cho người sử dụng hiểu rõ hơn về các qui tắc này.

Ví dụ, lưu ý hướng dẫn cho các điều khoản CPT và CIP Incoterm 2010 nhấn mạnh rằng theo những điều khoản này, người bán được coi là hoàn thành nghĩa vụ giao hàng của mình khi anh ta giao hàng cho người vận tải chứ không phải là khi hàng đến điểm đích. Những qui tắc này có hai điểm mấu chốt, bởi vì rủi ro và chi phí được chuyển giao ở các địa điểm khác nhau. Rủi ro đối với hàng hóa được chuyển từ người bán sang người mua khi hàng được giao cho người vận tải đầu tiên, tuy nhiên người bán cũng chịu trách nhiệm thuê hay mua hợp đồng vận tải hàng hóa đến điểm đích xác định.

Tương tự như vậy, với các điều khoản CFR và CIF trong Incoterms 2010, rủi ro và chi phí được chuyển giao ở những nơi khác nhau.

10. Điểm chuyển giao rủi ro từ người bán sang người mua trong các trường hợp FOB, CFR và CIF

Các điều khoản FOB, CFR và CIF của Incoterms đều bỏ phần nói đến lan can tàu như là điểm giao hàng, thay vào đó là nói đến hàng được giao “lên boong” tàu. Điều này phản ánh chính xác hơn thực tế thương mại hiện đại và tránh hình ảnh lỗi thời của việc tưởng tượng rủi ro đang “treo lơ lửng và đung đưa” qua lại một đường tưởng tượng (là lan can tàu).

11. Sử dụng cụm từ “đóng gói”

Đã được đóng gói: từ này được sử dụng cho các mục đích khác nhau: Đóng gói hàng hóa theo yêu cầu trong hợp đồng mua bán.

Đóng gói hàng hóa sao cho phù hợp với việc vận chuyển.

Việc xếp hàng đã đóng gói trong container hay các phương tiện vận tải khác.

Trong các qui tắc Incoterms 2010, đóng gói có cả hai nghĩa thứ nhất và thứ hai nêu trên. Các qui tắc Incoterms 2010 không nói đến nghĩa vụ của các bên trong việc xếp hàng vào container và do đó các bên liên quan phải thống nhất cụ thể về vấn đề này trong hợp đồng mua bán. Incoterms 2000 không có qui định rõ ràng về vấn đề này.

Chúc Bạn thành công khi vận dụng tài liệu này